

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRĂNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 04-9-2020.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRĂNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Hoài Tr, sinh năm 1980 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp S C B, xã P Đ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Kim Th, sinh năm 1987 – Có mặt.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp S C B, xã P Đ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ tạm trú: Khu phố G T, phường G L, thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Võ Hoài Tr trình bày:

Anh và chị Th quen biết nhau qua mai mối được khoảng 01 tháng rồi tổ chức đám cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã P Đ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới vợ chồng sống

chung với mẹ anh khoảng 02 năm rồi ra riêng tại ấp S C B, xã P Đ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm với nhau về mọi vấn đề. Đến tháng 7 năm 2017, anh cảm thấy không thể chung sống với chị Th được nữa nên anh dọn ra sống riêng và vợ chồng ly thân đến nay. Đến năm 2018, chị Th cũng dọn về nhà cha mẹ ruột sống tại ấp G T, xã G L, huyện Trảng Bàng (nay là khu phố G T, phường G L, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh cho đến nay. Từ khi ly thân anh và chị Th không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Năm 2018, anh có nộp đơn ly hôn tại Tòa án huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh nhưng do con chung chưa đủ 01 tuổi nên anh rút đơn ly hôn, đến năm 2019 anh nộp đơn ly hôn tại Tòa án huyện Gò Dầu một lần nữa nhưng do chị Th đang sống ở thị xã Trảng Bàng nên anh rút đơn để nộp lại tại Tòa án thị xã Trảng Bàng.

Nay anh yêu cầu được ly hôn chị Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Huỳnh Trung K, sinh ngày 19-10-2009 và Võ Huỳnh Đăng Kh, sinh ngày 21-01-2018, hiện hai con đang sống chung với chị Th. Khi ly hôn, anh yêu cầu giao cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Thị Kim Th trình bày:

Chị thừa nhận lời trình bày của anh Tr về thời gian chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Chị có ý kiến bổ sung như sau: Đúng là vợ chồng quen biết nhau qua mai mối, nhưng qua thời gian tìm hiểu khoảng 06 đến 07 tháng khi có tình cảm với nhau mới tổ chức lễ cưới. Trong suốt thời gian chung sống anh Tr đối xử rất tốt với vợ con. Chỉ đến năm 2017 khi gia đình anh Tr mở quán karaoke thì chị nhận thấy anh Tr không còn quan tâm đến vợ con nữa. Khi chị đang mang thai con thứ hai, chị phát hiện anh Tr có quan hệ tình cảm với một nữ tiếp viên trong quán karaoke. Khi chị hỏi thì anh Tr không trả lời, từ tháng 7 năm 2017 đến nay anh Tr bỏ nhà đi, do một mình chị không thể chăm sóc hai con nhỏ nên chị dọn về sống chung với cha mẹ chị, sau đó khoảng 02 tháng chị có quay về nhà sống để hàn gắn với anh Tr nhưng anh Tr tránh mặt chị, dùng những lời lẽ khó nghe để chửi chị và tiếp tục bỏ đi nên chị quay trở về nhà cha mẹ ruột chị sống đến nay. Từ khi ly thân anh Tr không qua lại thăm con cũng không phụ chị chi phí nuôi con mà chỉ có mẹ chồng phụ chị chi phí nuôi cháu lớn đi học.

Nay chị yêu cầu đoàn tụ với anh Tr vì chị muốn cho con có gia đình hạnh phúc để không ảnh hưởng đến chuyện học hành. Chị nghĩ rằng anh Tr chỉ có tình cảm nhất thời với người phụ nữ khác rồi sẽ quay về với mẹ con chị.

Nếu Tòa giải quyết cho vợ chồng ly hôn, chị có yêu cầu như sau:

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Huỳnh Trung K, sinh ngày 19-10-2009 và Võ Huỳnh Đăng Kh, sinh ngày 21-

01-2018, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nhưng anh Tr muốn cho con bao nhiêu là tùy theo khả năng của anh Tr.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Võ Hoài Tr yêu cầu được ly hôn chị Huỳnh Thị Kim Th.

Về con chung: Giao cháu Võ Huỳnh Trung K, sinh ngày 19-10-2009 và Võ Huỳnh Đăng Kh, sinh ngày 21-01-2018 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Tr tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tr và chị Th chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P Đ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 7-2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Tr trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, theo chị Th trình bày nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do anh Tr có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tr cũng thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng đó không phải là lý do anh yêu cầu ly hôn chị Th, mà anh chỉ muốn để cho chị Th biết anh có tình cảm với người phụ nữ khác để chị Th đồng ý ly hôn với anh. Nay anh Tr yêu cầu ly hôn, chị Th tha thiết xin đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương nơi anh Tr và chị Th chung sống không thể hiện được giữa anh Tr và chị Th có mâu thuẫn gì, tuy nhiên anh Tr và chị Th đã ly thân từ năm 2017 đến nay mà không đoàn tụ được, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Th không đưa ra được giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ, mặt khác anh Tr đã nhiều lần nộp đơn yêu cầu ly hôn chị Th cho thấy khả năng hàn gắn giữa anh Tr và chị Th không còn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh Tr và chị Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì

vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh Tr về việc yêu cầu ly hôn với chị Th theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Hai con chung là cháu Võ Huỳnh Trung K, sinh ngày 19-10-2009 và Võ Huỳnh Đăng Kh, sinh ngày 21-01-2018 hiện đang theo sống với chị Th từ khi chị Th và anh Tr ly thân đến nay. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu Kh, anh Tr cũng đồng ý giao cháu K và cháu Kh cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến cháu K, cháu cũng có nguyện vọng được theo sống với chị Th. Do đó, Hội đồng xét xử giao chị Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu Kh là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh Tr tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Anh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Võ Hoài Tr được ly hôn chị Huỳnh Thị Kim Th.

2. Về con chung: Giao chị Huỳnh Thị Kim Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Huỳnh Trung K, sinh ngày 19-10-2009 và Võ Huỳnh Đăng Kh, sinh ngày 21-01-2018.

Anh Võ Hoài Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K và cháu Kh mỗi cháu số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu K, cháu Kh đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Anh Võ Hoài Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017999 ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Anh Tr còn phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. *Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã P Đ;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc